TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH H□NG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2023/QĐST-HNGĐ	*Khoái Châu, ngày 21 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 45/2023/TLST - DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc xin ly hôn và nuôi con chung, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh Lưu Mạnh C, sinh năm: 1988

HKTT, trú tại: thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm: 2000

Quê quán: xã K1, huyện K2, tỉnh H1

HKTT: thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh Hưng Yên

Hiện trú tại: số A, ngõ B, phường Q, quận C1, H2.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Lưu Phạm T N, sinh ngày 21/11/2019

Người giám hộ cho cháu N: anh Lưu Mạnh C và chị Phạm Thị H (bố, mẹ đẻ của cháu N)

Cùng có HKTT: thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015*;*

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82; 83; 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 13/3/2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/3/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lưu Mạnh C và chị Phạm Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đ- ơng sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Mạnh C và chị Phạm Thị H cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Lưu Phạm T N, sinh ngày 21/11/2019 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày 13/3/2023 cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, cả hai bên đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; quyền được thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Anh C và chị H cùng khẳng định không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh C tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2021/0008146 ngày 22/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, anh C được hoàn trả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- UBND xã Đ1;
- L- u HSVA.

ĐÀO DUY TR